

Số: 20/2024/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ lãnh đạo, quản lý còn độ tuổi công tác dưới 01 nhiệm kỳ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2024 - 2029

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 quy định về tình gián biên chế;

Xét Tờ trình số 5961/TTr-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn độ tuổi công tác dưới 01 nhiệm kỳ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; Báo cáo thẩm tra số 135/BC-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố), cấp xã (xã, phường, thị trấn) còn độ tuổi công tác dưới 01 nhiệm kỳ (05 năm) nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu

nhằm phục vụ công tác nhân sự đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cấp xã.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện sắp xếp, bố trí nhân sự phục vụ đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Các trường hợp đã có thông báo nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Các đối tượng không áp dụng theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ban Tổ chức Trung ương thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hưởng chính sách

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, nghỉ trước thời gian tổ chức đại hội Đảng, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp 03 tháng; nghỉ trước bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp 03 tháng.

b) Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, nghỉ trước thời gian tổ chức đại hội Đảng, đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên 03 tháng; nghỉ trước bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên 03 tháng.

c) Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ nhưng không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, nghỉ trước thời gian tổ chức đại hội Đảng, đại hội Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ 06 tháng đến 12 tháng.

2. Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ thì không áp dụng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ và ngược lại.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ

1. Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ, ngoài chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần bằng 50% mức trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ, ngoài chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần bằng 50% mức trợ cấp theo cách tính hưởng chế độ trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ, ngoài chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần bằng 70% mức trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ nhưng không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, nghỉ trước thời gian tổ chức đại hội Đảng, đại hội Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ 06 tháng đến 12 tháng được hỗ trợ thêm một lần bằng 70% mức trợ cấp theo cách tính quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành, kinh phí thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chính sách tạo sự đồng thuận khi triển khai thực hiện. Kịp thời hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết; theo dõi, đánh giá việc thực hiện và tổng hợp những vướng mắc, khó khăn (nếu có) trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Ng nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ hai mươi lăm thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTV Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh,
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTĐB.

**TM. CHỦ TỌA KỲ HỌP
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Vinh